

QUẢN LÝ HIỆU QUẢ CÔNG TÁC BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN MẦM NON Ở CÁC TỈNH TÂY NGUYÊN

ThS. NGUYỄN THỊ BẠCH MAI* - PGS. TS. NGÔ QUANG SƠN**

1. Thực trạng công tác bồi dưỡng giáo viên mầm non (BDGVMN) ở các tỉnh Tây Nguyên

1) Mục tiêu, nội dung BDGVMN. Mục tiêu của hoạt động BDGVMN là nâng cao nhận thức cho mỗi giáo viên (GV) để họ có ý thức hoàn thiện nhân cách và phát triển toàn diện các năng lực, phẩm chất đạo đức của bản thân. Giáo viên mầm non (GVMN) phải có sức khoẻ, tri thức, có tâm hồn, tình cảm trong sáng, có hành vi, lối sống lành mạnh, vui tươi, luôn có ý thức nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ theo hướng cập nhật, hiện đại hoá, phù hợp với thực tiễn giáo dục của các tỉnh Tây Nguyên, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục ở mầm non.

Các đợt điều tra, khảo sát từ năm 2010-2012 (1) cho thấy, thực trạng về trình độ đội ngũ GVMN ở các tỉnh Tây Nguyên còn hạn chế về kiểm tra, đánh giá dạy học và giáo dục ($\bar{x} = 2,02$). Đa số GV còn xem nhẹ việc đánh giá, chưa có nhiều kĩ năng trong lĩnh vực này, thiếu kiến thức về nghiên cứu khoa học ứng dụng (điểm TBC $\bar{x} = 2,09$); mặt khác, GV cũng ít được bồi dưỡng (BD) "chính trị tư tưởng" ($\bar{x} = 2,16$), tin học, ngoại ngữ ($\bar{x} = 2,20$), tâm lí học trẻ mầm non và nghệ thuật sư phạm ($\bar{x} = 2,20$), do đó, nhiều GVMN chỉ nắm được công tác chăm sóc giáo dục trẻ hàng ngày; không nắm được các chủ trương, chính sách, nhiệm vụ của ngành trong từng năm học; thiếu hiểu biết về quan điểm, đường lối giáo dục, nhận thức về tình hình chính trị xã hội hạn chế, hiểu biết về pháp luật không đầy đủ, kể cả Luật Giáo dục, Pháp lệnh bảo vệ và chăm sóc giáo dục trẻ em...

Kết quả khảo sát cũng cho thấy, trong các nội dung đã BD cho GVMN, nội dung "BD đạo đức nghề nghiệp" được đặt lên hàng đầu. Đây cũng là vấn đề được xã hội quan tâm nhiều nhất. Bên cạnh đó, để đáp ứng các tiêu chí của Chuẩn nghề nghiệp GVMN, việc BD ngoại ngữ và tin học cũng được GV tham gia học tập rất tích cực. Công tác quản lí (QL) nhà trường, QL nhóm, lớp là hoạt động đa dạng, phức tạp đòi hỏi cán bộ quản lí (CBQL) và GVMN phải có tri thức khoa học QL, có năng lực và nghệ thuật QL, thường xuyên cập nhật kiến thức chuyên môn mới thành công. Tuy

nhiên, đa số CBQL và GVMN còn hạn chế về ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông nên việc tiếp cận, cập nhật kiến thức đổi mới về GDMN hạn chế và thụ động, do đó, khả năng triển khai các hoạt động BD khó đạt hiệu quả cao. Kết quả khảo sát cũng cho thấy, nội dung BD chưa mang tính toàn diện, chủ yếu quan tâm nhiều đến BD chuyên môn nghiệp vụ song chưa quan tâm thỏa đáng đến việc hình thành nhân sinh quan, chính trị tư tưởng và kĩ năng nghề nghiệp, ứng dụng công nghệ thông tin trong QL dạy học... cho GVMN.

2) Xây dựng kế hoạch BD. CBQL và GVMN chưa nhận thức được mức độ quan trọng của việc xây dựng kế hoạch BD (điểm TBC $\bar{x} = 2,37$ so với mức TBC cao nhất $\bar{x}_{max} = 3$ và điểm trung bình dao động từ $1,84 \times 2,39$), trong đó có 2 yếu tố được các CBQL và GVMN rất coi trọng có $\bar{x} = 2,82$ là: năng lực cán bộ QL mầm non và xác định nội dung BD (xếp vị thứ 1 và 2). Trong khi đó, yếu tố "Điều tra cơ bản" được xếp thứ 7 với điểm TBC $\bar{x} = 1,84$. "Lập kế hoạch BD" được xếp thứ 4 với điểm TBC $\bar{x} = 2,39$. Điều đó cho thấy, lâu nay chúng ta chỉ mới quan tâm đến người đứng lớp BD và nội dung BD chứ chưa chú ý đúng mức đến điều tra, phân loại đối tượng để xây dựng kế hoạch BD cho phù hợp.

3) Hình thức BD GVMN: Hình thức được đánh giá hiệu quả nhất là "tổ chức các lớp BD tập trung tại Sở GD-ĐT vào dịp hè hàng năm" ($\bar{x} = 2,97$ so với $\bar{x}_{max} = 3$). Vào dịp hè, CBQL và GVMN có điều kiện về thời gian, không bận công việc chuyên môn nên yên tâm học tập. Ngoài ra, hình thức BD "tập trung" cũng đã được linh hoạt thay đổi như tập trung theo cụm được căn cứ theo khu vực, địa lí thuận tiện về quãng đường cho học viên ($\bar{x} = 2,28$ vị thứ 4), hoặc chia theo đối tượng trình độ ($\bar{x} = 2,28$, thứ 3).

Hình thức "BD theo từng Phòng GD-ĐT" cũng được đánh giá cao, xếp vị trí thứ 2. Nhiều GV cho rằng: tổ chức các lớp BD tập trung tại Sở GD-ĐT không thu hút được đông đảo GV tham gia (vì bận công việc chăm sóc giáo dục trẻ), hình thức này chỉ

* Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng

** Ủy ban Dân tộc

nên dành cho những hiệu phó chuyên môn trường điểm, GV lớp điểm, tổ trưởng, tổ phó chuyên môn. Sau khi hoàn thành đợt BD tại Sở, những GV này có nhiệm vụ cùng với Phòng GD-ĐT BD lại những nội dung đã được BD cho toàn thể CBQL và GVMN trên toàn huyện, thành phố của mình. Tuy nhiên, hình thức BD tập trung tại Sở cũng có hạn chế như: Có CBQL khi tham gia các lớp BD ở Sở không nghiêm túc tiếp thu kiến thức, hoặc do hạn chế về trình độ, hiểu biết cũng như năng lực sư phạm nên việc triển khai lại cho đội ngũ tại địa phương không đạt hiệu quả cao (nhất là các đơn vị vùng sâu vùng xa).

Hình thức "BDTX thông qua hoạt động của các tổ nhóm chuyên môn ở trường mầm non" được đa số CBQL và GVMN thực hiện tốt, xếp vị trí thứ 5, "BD theo lớp học" xếp vị trí thứ 6. Đây là 2 hình thức BD gắn liền với việc thực hiện chuyên môn hàng ngày của GV như: tổ chức kiến tập, dự giờ, trao đổi kinh nghiệm, tổ chức hội giảng, hội thi, tổ chức sinh hoạt chuyên môn hàng tuần. Theo ý kiến của một số cán bộ QL GDMN, hình thức này có ưu điểm thuận tiện (vì BD tại chỗ), đội ngũ GVMN hiểu biết năng lực, điểm yếu, mạnh của nhau; song hình thức này cũng thể hiện điểm yếu, đó là không đảm bảo được tính hệ thống của tri thức. GVMN khó có thể nắm được những cơ sở lý luận vững chắc cho hoạt động giáo dục trẻ, hình thức này phụ thuộc nhiều vào trình độ năng lực của cán bộ QL, GV cốt cán.

Hình thức "GV tự BD" chưa được đánh giá cao ($\bar{x} = 1,80$ vị trí thứ 7), vì nhiều GVMN chưa có thói quen tự học, tự nghiên cứu, mặt khác, thời gian dành cho việc tự nghiên cứu đối với GVMN là rất hạn chế (vì mỗi ngày GVMN phải làm việc tại trường từ 8-10 tiếng), ngoài ra họ còn phải đảm bảo công việc gia đình, trong khi đó, chế độ đãi ngộ chưa tương xứng với cường độ lao động của người GVMN.

Hình thức BD "theo tiêu chuẩn" (chuẩn hoá) ở mức thấp nhất ($\bar{x} = 1,77$, xếp vị trí thứ 8), điều này chứng tỏ các lớp BD chuẩn hoá chưa có chất lượng, chưa đáp ứng nhu cầu của đông đảo CBQL và GVMN.

4) Phương pháp BDGVMN. Kết quả khảo sát đã chỉ ra việc kết hợp các phương pháp (PP) khác nhau, đặc biệt là thường xuyên sử dụng PP "nếu vấn đề" khi tiến hành các nội dung BD được nhiều GV thực hiện rất thích hợp và đạt hiệu quả cao ($\bar{x} = 2,92$ xếp vị trí thứ 1). Trong thực tiễn BD, PP "nếu vấn đề" có tác dụng khuyến khích học viên tích cực tư duy, liên hệ thực tiễn và vận dụng kinh nghiệm đã có để tìm cách giải quyết vấn đề, qua đó đào sâu, nắm vững tri thức được BD, là PP rất phù hợp với đối tượng đã qua công tác, có nhiều kinh nghiệm được tích lũy từ thực tiễn nghề nghiệp như GVMN.

PP thực hành, làm việc nhóm hay dự giờ thực hành các hoạt động của trẻ tại lớp cũng được thường xuyên tổ chức ở các lớp BD và đạt hiệu quả cao ($\bar{x} = 2,51$ xếp vị trí thứ 2).

PP trực quan tuy có nhiều ưu điểm nhưng theo ý kiến của CBQL và GVMN, đây là PP có số lượng giảng viên sử dụng thấp hơn so với các PP khác ($\bar{x} = 2,42$ xếp vị trí thứ 3). Các phương tiện trực quan thường được sử dụng như: đồ dùng dạy học, đồ chơi, băng hình, phim ảnh, đèn chiếu, thao tác mẫu của GV...

PP thuyết trình trong thực tế rất hay được sử dụng nhưng hiệu quả lại thấp nhất ($\bar{x} = 2,35$, xếp vị trí thứ 4). Tương tự, PP đàm thoại tuy được nhiều giảng viên ưa chuộng với mong muốn tạo không khí sôi nổi cho lớp học nhưng thường thất bại, vì đa số học viên (HV) là người lớn tuổi nên rất thụ động, ngại tranh luận, ngại phát biểu trước tập thể, tâm lý e dè, sợ sai... do vậy, PP này cũng bị đánh giá là kém hiệu quả ($\bar{x} = 2,08$ xếp vị trí thứ 5).

PP "kiểm tra, đánh giá" bị xem nhẹ nhất trong các PP, do không có nhiều thời gian dành cho hoạt động kiểm tra đánh giá, hoặc đánh giá không đúng thực chất năng lực và khả năng tiếp thu của HV nên GV thường dành phần đánh giá cho ban tổ chức lớp học đánh giá vào cuối đợt BD.

2. Một số biện pháp QL công tác BD GVMN ở các tỉnh Tây Nguyên trong giai đoạn hiện nay

1) Nâng cao nhận thức của CBQL và GVMN về công tác BD GVMN. Trường mầm non có vị trí quan trọng là hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1. GVMN là lực lượng quyết định chất lượng giáo dục của nhà trường. Họ phải được đào tạo, BD thường xuyên có hệ thống, để vừa có năng lực thực hiện tốt nhiệm vụ chăm sóc giáo dục trẻ, vừa có năng lực tuyên truyền hướng dẫn gia đình và cộng đồng kiến thức khoa học nuôi dạy trẻ, góp phần xây dựng môi trường giáo dục tốt cho sự hình thành, phát triển nhân cách của trẻ trong những năm đầu tiên của cuộc đời.

2) Cải tiến việc xây dựng kế hoạch BDGVMN phù hợp với thực tế nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho GVMN học tập, nâng cao trình độ chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ. Việc lập kế hoạch BD hợp lý sẽ giúp các cấp QL GDMN chủ động trong công tác BDGV, đảm bảo tính khoa học, tính liên tục và hệ thống, thực hiện tốt các nội dung trọng tâm cần BD, thống nhất lực lượng tham gia BDGVMN. Cần xây dựng kế hoạch BDGV hàng năm trên cơ sở nhiệm vụ năm học, nhu cầu của GV và tình hình thực tế của địa phương. Kế hoạch BDGV cần xác định rõ: mục tiêu, nội dung, chương trình BD, thời gian và biện pháp QL. Kế hoạch được thảo luận dân chủ, bàn bạc, thống

nhất trong tập thể lãnh đạo và cán bộ chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện.

3) Thiết kế nội dung BDGVMN phù hợp và thiết thực. Nội dung BD chính là nội dung hoạt động của giảng viên (GV) và những người tham gia BD. Vì vậy, thiết kế nội dung BD chuẩn hoá, phù hợp và thiết thực là yếu tố quan trọng đảm bảo chất lượng, hiệu quả của quá trình BDGVMN. Nội dung BD cần đạt được các yêu cầu sau: - Bảo đảm tính khoa học, tính hệ thống và toàn diện của nội dung BD; - Nội dung BD phù hợp với đặc điểm của đối tượng giúp mở rộng hiểu biết, nâng cao tay nghề, tránh sự trùng lặp nội dung BD nhiều lần gây lãng phí và nhàm chán với GV; - Nâng cao hiệu quả công tác BD, cập nhật kịp thời các thành tựu mới của khoa học GD.

4) Chuẩn bị đội ngũ giảng viên đảm bảo chất lượng. Yêu cầu đối với giảng viên - huấn luyện viên: - Trình độ đào tạo chuyên môn trên chuẩn (từ đại học trở lên) vững vàng về nghiệp vụ giáo dục mầm non; có thâm niên công tác, tay nghề từ 5 năm trở lên; - Có kiến thức sâu rộng về lĩnh vực GDMN, đặc biệt là lĩnh vực mà giảng viên tham gia BD; - Có khả năng tổ chức môi trường học tập một cách tích cực, biết lựa chọn PP BD cho từng đối tượng phù hợp; - Biết đánh giá kết quả học tập của học viên một cách công bằng, khách quan, chính xác; - Có khả năng hướng dẫn thực hành hoặc tổ chức các hoạt động minh hoạ về chăm sóc giáo dục trẻ; giúp đỡ học viên rèn luyện năng lực thực hành khi học viên có nhu cầu.

5) Kết hợp linh hoạt, hiệu quả các PP và hình thức BDGVMN. Cần đổi mới hình thức, PP BDGV theo định hướng của ngành, có khả năng tự học, tự nghiên cứu hoặc nâng cao trình độ thông qua các lớp BD nhằm tích cực hoá hoạt động nhận thức của học sinh, phát huy tính chủ động, sáng tạo của GVMN, đảm bảo cho họ có nhiều cơ hội để trao đổi, nhận xét, được lựa chọn giải pháp để giải quyết vấn đề. Đổi mới PP BD giúp GVMN hiểu được PP, bản chất của hoạt động dạy học, có khả năng ứng dụng trong thực tiễn.

6) Tổ chức phối hợp các lực lượng BD chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm. BDGVMN là một trong những nhiệm vụ trọng tâm hằng năm của các trường mầm non. Để thực hiện tốt nhiệm vụ này, cần có sự phối hợp các lực lượng giáo dục như Sở, phòng GD-ĐT, cán bộ nghiên cứu khoa học, chuyên gia ở các lĩnh vực có liên quan, GV giỏi ở các trường trọng điểm... Tổ chức phối hợp chặt chẽ các lực lượng BD chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm sẽ: - Huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn nhân lực nhằm hiện thực hoá mục tiêu, kế hoạch BDGV hằng năm; - Tạo động lực

thúc đẩy GV tích cực tham gia BD và tự BD nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; - Góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả BDGVMN.

7) QL sử dụng các nguồn lực phục vụ hoạt động BD và tự BD của GV. Biện pháp này nhằm huy động sự đóng góp của các nguồn lực như: - Kinh phí từ ngân sách chi cho hoạt động đào tạo, BD hàng năm; - Huy động từ nguồn xã hội hóa, tranh thủ sự ủng hộ của các nhà tài trợ; - Phát huy nội lực từ phía cán bộ QL, GVMN có nhu cầu tự BD...

8) Tăng cường kiểm tra đánh giá hoạt động BDGVMN giúp chủ thể QL và giảng viên thu nhận đầy đủ những thông tin cần thiết về việc thực hiện mục tiêu, chương trình kế hoạch BD của các đơn vị cơ sở, kết quả học tập BD của học viên; phát hiện những mặt tốt, mặt tích cực cũng như những hạn chế thiếu sót để kịp thời bổ sung, BDGV. Mặt khác, đổi mới kiểm tra, đánh giá hoạt động BDGV sẽ tăng cường tính chủ động, sáng tạo, tinh thần trách nhiệm của CBQL cơ sở và GV trong việc biến quá trình kiểm tra thành quá trình tự kiểm tra, làm cho công tác BDGV đi vào nền nếp, có kỉ cương, kỉ luật và đảm bảo hiệu quả, động viên, khuyến khích CBQL và đội ngũ GV tích cực, tự giác chủ động trong công tác BD và tự BD.

3. GV là lực lượng nòng cốt, chủ yếu để thực hiện yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh, đặc biệt, GVMN có vai trò rất lớn trong quá trình hình thành và phát triển nhân cách cho trẻ, do vậy, GV luôn phải đổi mới, cập nhật kiến thức, không ngừng học hỏi để nâng cao trình độ mới đáp ứng được những đòi hỏi ngày càng cao của học sinh mầm non. Nếu xây dựng được đội ngũ nhà giáo có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực chuyên môn giỏi, có kĩ năng sư phạm tốt, biết xử lí mọi tình huống diễn ra trong các hoạt động giáo dục, chắc chắn chất lượng GD toàn diện sẽ đạt được kết quả như mong muốn. □

(1) Sở GD-ĐT các tỉnh Tây Nguyên. "Báo cáo sơ kết 2 năm thực hiện đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi giai đoạn 2010 - 2015".

Tài liệu tham khảo

1. Đặng Quốc Bảo. **Cẩm nang nâng cao năng lực và phẩm chất đội ngũ giáo viên.** NXB Lí luận chính trị, H. 2007.

2. Bộ GD-ĐT. "Tài liệu hội nghị chuyên đề phát triển giáo dục mầm non các tỉnh khu vực Tây Nguyên". Hà Nội, 2008.

3. Phó Đức Hòa - Ngô Quang Sơn. **Phương pháp và công nghệ dạy học trong môi trường sư phạm tương**

(Xem tiếp trang 33)

tiến hành đan xen trong suốt quá trình học lí thuyết) cũng chiếm chỉ trọng khá lớn (đặc biệt là các môn như Mĩ thuật, Tổ chức hoạt động tạo hình, Múa, Tổ chức hoạt động âm nhạc, Thực hành Phương pháp dạy kể chuyện cho trẻ mầm non...).

Ngoài ra, SV còn được tham gia các hoạt động rèn luyện nghiệp vụ thường xuyên như: các cuộc thi nghiệp vụ sư phạm cấp lớp, cấp khoa, cấp trường, các cuộc thi tài năng, duyên dáng sư phạm... Đó là những thuận lợi trong quá trình đào tạo SV ngành GDMN. Bên cạnh đó, còn nhiều điểm bất cập, dẫn tới hoạt động thực hành của SV chưa thực sự có hiệu quả:

- Việc dạy trẻ luôn luôn thông qua thực hành, đòi hỏi giáo viên phải được thực hành thường xuyên, nhưng hiện nay việc THSP của SV theo đúng nghĩa (thực hành trên đối tượng) chỉ được tiến hành theo từng đợt tập trung, hết mỗi đợt như vậy, mọi thứ lại tạm gác lại.

- Đối với một số môn, việc thực hành trên lớp mang tính kịch nhiều, chưa sát với thực tế. Chẳng hạn trong môn học *Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non*, thực hành tổ chức cho trẻ chơi nhưng có cô mà không có trẻ, SV phải vừa là cô để thể hiện kiến thức của mình, lại vừa phải nhập vai trẻ. Điều đó dẫn đến mọi tình huống diễn ra trong hoạt động đều mang tính khiên cưỡng, giả định. Vì vậy, khi tiến hành trên đối tượng thực sẽ gặp nhiều bất cập.

4. Đề xuất giải pháp

Để nâng cao hiệu quả hoạt động THSP, nâng cao chất lượng đào tạo GVMN tại Trường CĐSPHN hiện nay, chúng tôi đề xuất một số giải pháp như sau:

- Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của hoạt động thực hành trong đào tạo GVMN tới toàn thể cán bộ giảng viên, SV.

- Tăng cường tổ chức các hoạt động nghiệp vụ sư phạm thường xuyên cho SV trong quá trình học tập.

- Nhanh chóng đưa trường mầm non thực hành vào hoạt động để SV có thể thường xuyên quan sát và tiến hành các hoạt động thực hành môn học, đồng thời là nơi để cán bộ giảng viên Khoa GDMN tiến hành thử nghiệm và ứng dụng các đề tài nghiên cứu.

- Hỗ trợ hơn nữa về kinh phí hoạt động thực hành cho đội ngũ giáo viên hướng dẫn và cho SV trong quá trình thực hành, để hoạt động thực hành phải được thực hiện thường xuyên như các loại hình hoạt động học tập khác (chứ không chỉ là các đợt tập trung như hiện nay).

- Đối với các môn học có phần thực hành (không kể 3 đợt thực hành tập trung và 2 đợt thực tập trong chương trình đào tạo), giảng viên và SV phải được thực hành tại trường mầm non thực hành của Trường (chứ không tiến hành thực hành theo nhóm tại lớp như hiện nay).

- Môi trường thực hành cũng cần phải được đa dạng hơn, không chỉ tập trung tại các trường công lập, trường chuẩn quốc gia, mà SV cần phải được đến thực hành tại các trường mầm non chất lượng cao, trường mầm non quốc tế trên địa bàn thành phố để tạo thêm cơ hội việc làm cho SV sau khi ra trường. □

Tài liệu tham khảo

1. Phạm Thị Châu (chủ biên). *Giáo dục học mầm non*. NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2011.

2. Nguyễn Quang Uẩn. *Tâm lí học đại cương*. NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2011.

3. Nguyễn Ánh Tuyết (chủ biên). *Tâm lí học trẻ em lứa tuổi mầm non*. NXB Đại học sư phạm, H. 2011.

4. Bộ GD-ĐT. Quyết định số 02/2008/QĐ-BGDĐT về *Quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non*.

5. Bộ GD-ĐT. Quyết định số 31/1998/QĐ-BGDĐT về *Quy chế trường thực hành sư phạm cho các trường sư phạm đào tạo giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở*.

SUMMARY

Training teachers at pedagogical schools is a well - organized and purposeful process. In the process, teaching practice activities play an important role, especially for pre-school education. In spite of several advantages, the teaching practice for pre - school teachers at Hanoi Teacher Training School remains a lot of limitations (shortcomings). A number of different measures are required for improving the efficiency of practical activities as well as the quality of training. In particular, it is very important to raise the awareness of training staff about this issue in addition to quickly bring the practical pre-school directly under the college into use.

Quản lí hiệu quả công tác...

(Tiếp theo trang 20)

tác. NXB Đại học sư phạm Hà Nội, 2011.

4. "Báo cáo công tác bồi dưỡng thường xuyên cho cán bộ, giáo viên mầm non năm học 2012 - 2013 của các Sở GD-ĐT Tây Nguyên".

SUMMARY

The objective of the activity is to raise awareness BDGVMN for each teacher to complete their conscious personality and the comprehensive development ability, moral qualities of the self. GVMN to have health, knowledge, spirit, emotional clarity, have behavioral, lifestyle, playful, always conscious capacity building towards professional renovation and modernization, consistent with the educational practice of the Central Highlands, meet the requirements of innovative content and methods in early childhood education.